

EVALUATION OF ECONOMIC EFFICIENCY, KEY AGRO - FORESTRY FARMING MODELS IN VIET TRUNG FARM TOWN, BO TRACH DISTRICT, QUANG BINH PROVINCE

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KINH TẾ CÁC MÔ HÌNH CANH TÁC NÔNG LÂM NGHIỆP CHỦ LỰC TẠI THỊ TRẤN NÔNG TRƯỜNG VIỆT TRUNG, HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Trần Thế Hùng, Phan Thanh Quyết

Trường Đại học Quảng Bình

ABSTRACT: *This study aims to evaluate the economic efficiency of the five largest agricultural and forestry farming models in Viet Trung Farm town, Bo Trach district, Quang Binh province. The results show that the models presents not high profits, even many models show very low profits. The economic efficiency of models also depends greatly on the market price. Specifically, the pepper growing model achieved an efficiency of 49.35 million VND/ha/year due to high selling prices, the watermelon growing model achieved a profit of 37.83 million VND/ha/year, lower than previous years due to purchasing price decreased. The cassava growing model only achieved a profit of 13.22 million VND/hectare/year because the plants were infected on a large scale, so productivity was lower than previous years. The short-term (5 year) hybrid acacia planting model gives an efficiency of 10.49 million VND/ha/year and the rubber growing model gives the lowest profit of only 2.54 million VND/ha/year but in return this model uses entirely part-time labor in the family.*

Keywords: *Agricultural and forestry models, cost, profit, efficiency.*

TÓM TẮT: *Nghiên cứu này nhằm đánh giá hiệu quả kinh tế của năm mô hình canh tác nông lâm nghiệp có quy mô diện tích lớn nhất tại thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Kết quả cho thấy, các mô hình cho mức lợi nhuận không cao, thậm chí có nhiều mô hình cho lợi nhuận rất thấp. Hiệu quả kinh tế các mô hình còn phụ thuộc rất lớn vào giá thị trường. Cụ thể, mô hình trồng tiêu cho hiệu quả 49,35 triệu đồng/ha/năm do giá bán tăng cao, mô hình trồng dưa hấu đạt mức lợi nhuận 37,83 triệu đồng/ha/năm, thấp hơn các năm trước do giá thu mua giảm. Mô hình trồng sắn chỉ đạt lợi nhuận 13,22 triệu đồng/ha/năm do cây bị nhiễm bệnh trên diện rộng nên năng suất thấp hơn các năm. Mô hình trồng keo lai chu kỳ ngắn ngày (5 năm) cho hiệu quả 10,49 triệu đồng/ha/năm và mô hình trồng cao su cho lợi nhuận thấp nhất chỉ 2,54 triệu đồng/ha/năm nhưng bù lại mô hình này sử dụng hoàn toàn công lao động bán thời gian trong gia đình.*

Từ khóa: *Mô hình nông lâm nghiệp, chi phí, lợi nhuận, hiệu quả.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vùng gò đồi có diện tích 1.677,95 km², chiếm 19,7% tổng diện tích đất tự nhiên của tỉnh Quảng Bình. Vùng gò đồi có độ cao từ 50m đến 250m, độ dốc trung bình từ 3° trở lên. Vùng gò đồi Quảng Bình nằm trong địa giới 87 xã kéo dài theo chiều dọc của tỉnh.

Địa hình vùng gò đồi hẹp và dốc, dòng chảy các sông đều chạy theo hướng cắt ngang địa hình, nhiều dãy núi vươn ra tận bờ biển nên địa hình vùng gò đồi phức tạp và bị chia cắt tương đối mạnh [2]. Trên vùng đất gò đồi, nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp cho hiệu quả kinh tế ổn định được người dân áp

dụng, trong đó huyện Bồ Trạch, nhất là tại thị trấn Nông trường Việt Trung có nhiều mô hình mang tính đại diện cho khu vực này. Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bồ Trạch có diện tích 86,04 km², dân số năm 2022 là 10.386 người, mật độ dân số đạt 119 người/km². Thị trấn Nông trường Việt Trung có vị trí địa lý: Phía bắc giáp các xã Phú Định, Tây Trạch, Nam Trạch, Lý Trạch, Hòa Trạch, phía nam giáp thành phố Đồng Hới và huyện Quảng Ninh, phía đông giáp thành phố Đồng Hới, phía tây giáp xã Phú Định [6]. Trên địa bàn thị trấn, trước đây là thủ phủ trồng cao su của tỉnh Quảng Bình, tuy nhiên sau cơn bão năm 2013 đã tàn phá nặng nề các vườn cao su khu vực này, cùng với giá sản phẩm mủ cao su xuống thấp thời gian qua nên người dân đã dần chuyển đổi canh tác các loại cây trồng khác. Mô hình trồng tiêu tuy diện tích chưa lớn nhưng cũng đã tạo được thương hiệu tiêu Phú Quý cho khu vực này. Mô hình trồng keo lai phát triển mạnh sau các chương trình trồng rừng lớn của đất nước và vẫn duy trì đến ngày nay. Hai mô hình trồng cây ngắn ngày mới hơn là mô hình trồng dưa hấu và sắn cao sản cũng đang ngày càng được mở rộng trên địa bàn. Tuy nhiên, những mô hình này còn cho thấy nhiều hạn chế, thiếu bền vững trong sản xuất nông nghiệp hiện nay. Đó là khả năng chống chịu kém với thiên tai khắc nghiệt, giá cả thị trường chưa ổn định, còn quá lạm dụng các loại hóa chất trong canh tác, hiệu quả kinh tế còn thấp. Vậy nên, cần thiết đánh giá một số chỉ tiêu và hiệu quả kinh tế nhằm đề xuất định hướng phát triển các mô hình nông lâm nghiệp cho thị trấn Nông

trường Việt Trung, huyện Bồ Trạch, Quảng Bình [1].

2. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng phỏng vấn là các hộ dân tham gia thực hiện 5 mô hình trong năm 2023 và những năm trước. Với mô hình trồng tiêu và cao su, lựa chọn các hộ dân có mô hình đã đi vào thời kỳ thu hoạch ổn định (đã thu hoạch, khai thác sản phẩm trên 3 năm). Các hộ dân được lựa chọn tại các tiểu khu của thị trấn dựa theo tiêu chí diện tích và số hộ dân tham gia sản xuất. Mô hình trồng dưa hấu lựa chọn 3 hộ tại tiểu khu 10, 2 hộ tại tiểu khu Dũng Cảm, 3 hộ tại Hữu Nghị, 2 hộ tại tiểu khu Quyết Tiến. Mô hình trồng sắn lựa chọn 3 hộ tại tiểu khu Hữu Nghị, 3 hộ tại tiểu khu Quyết Tiến, 2 hộ tại tiểu khu Sao Vàng, 2 hộ tại bản Khe Ngát. Mô hình trồng tiêu chọn 3 hộ tại tiểu khu 8, 3 hộ tại tiểu khu Thắng Lợi, 4 hộ tại tiểu khu Thống Nhất. Mô hình trồng cao su chọn 4 hộ tại tiểu khu Đoàn Kết, 3 hộ tại tiểu khu Chiến Thắng, 3 hộ tại tiểu khu Độc Lập và mô hình trồng keo lai chọn 4 hộ tại bản Khe Ngát, 3 hộ tiểu khu Xung Kích và 3 hộ tiểu khu 8.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập thông tin

- Số liệu thứ cấp được thu thập chủ yếu từ báo cáo của UBND thị trấn Nông trường Việt Trung, số liệu thống kê của huyện Bồ Trạch và tỉnh Quảng Bình, các xuất bản liên quan đến các mô hình nghiên cứu như sách, báo cáo khoa học, tạp chí.

- Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra khảo sát 50 hộ gia đình tham

gia sản xuất (mỗi mô hình khảo sát 10 hộ) với bảng hỏi được thiết kế sẵn. Nội dung bảng hỏi bao gồm các thông tin chung về mô hình sản xuất, tình hình đầu tư, năng suất, giá bán của các loại sản phẩm trong mô hình canh tác và các chỉ tiêu kết quả sản xuất của mô hình đang áp dụng.

2.2.2. Phương pháp phân tích đánh giá

Nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích số liệu, các chỉ tiêu đánh giá kết quả, hiệu quả kinh tế mô hình sản xuất nông nghiệp. Các chỉ tiêu phản ánh kết quả như: giá trị sản xuất (GO), giá trị gia tăng (VA), lợi nhuận (Pr) và các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả như: tỷ suất tổng giá trị sản xuất trên tổng chi phí (GO/TC), tổng giá trị sản xuất trên chi phí

trung gian (GO/IC), tỷ suất giá trị gia tăng trên tổng chi phí (VA/TC), giá trị gia tăng trên chi phí trung gian (VA/IC) và lợi nhuận trên tổng chi phí (Pr/TC) [5].

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Tình hình sử dụng đất và số lao động của các mô hình

Dựa trên thông tin từ số liệu thống kê của UBND thị trấn Nông trường Việt Trung từ Báo cáo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 [1] và số liệu điều tra và tổng hợp của nhóm tác giả năm 2023, cho thấy các mô hình này có diện tích sử dụng đất và số lao động như sau:

Bảng 1. Diện tích sử dụng đất và số lao động tham gia 5 mô hình sản xuất tại thị trấn

Tên mô hình	Diện tích đất sử dụng (ha)	Số lao động tham gia (người)	Bình quân lao động/ha
Trồng tiêu	205	205	1
Trồng dưa hấu	360	720	2
Trồng sắn	600	600	1
Trồng cao su	898	898	1
Trồng keo lai	110	55	0,5

Nguồn: [1], Số liệu điều tra và tổng hợp của nhóm tác giả, 2023

Như vậy, từ số liệu thống kê cho thấy, diện tích trồng cao su được người dân sử dụng nhiều nhất (898 ha), tiếp đến là mô hình trồng sắn (600 ha), dưa hấu (360 ha), tiêu (205 ha) và thấp nhất là mô hình trồng keo lai (110 ha). Về số lao động tham gia thường xuyên các mô hình trên, đa số các mô hình chỉ tính bình quân 1 lao động/ha với 3 mô hình là trồng tiêu, sắn và cao su,

còn mô hình trồng dưa hấu cần bình quân 2 lao động/ha, ngược lại mô hình trồng keo chỉ cần bình quân 0,5 lao động/ha.

3.2. Chi phí sản xuất của các mô hình

Hoạt động sản xuất canh tác nông lâm nghiệp thường tiêu tốn nhiều khoản chi phí khác nhau được thể hiện cụ thể qua bảng 2 dưới đây:

Bảng 2. Chi phí sản xuất hàng năm trên một hecta của các mô hình*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Mô hình sản xuất				
		Trồng dưa hấu	Trồng tiêu	Trồng sắn	Trồng cao su	Trồng keo lai
I	Chi phí sản xuất trực tiếp (IC)	69,3	40,2	33,69	6,66	2,69
	Giống	4,2	1,8	1,8	0,32	0,5
	Phân bón	18,25	12,88	5,22	5,34	-
	Thuốc BVTV	3,5	3,16	0,65	-	-
	Nguyên vật liệu khác	1,5	1	-	1	-
	Điện nước	6,25	2,75	-	-	-
	Chi phí thuê sử dụng đất	15	10	10	-	-
	Thuê khoán lao động	14,75	8,45	10,60	-	1,54
	Chi phí khác	2,5	1,96	5,42	-	0,65
II	Chi phí tự có	10,75	14,35	5,28	30	1,65
	Lao động	10,75	14,35	5,28	30	1,65
III	Chi phí khấu hao tài sản	4,05	13,1	-	-	-
	Giá trị TLSX	20,25	130,28	-	-	-
	Tổng chi phí (TC)	80,75	67,65	38,97	36,66	4,43

Nguồn: Số liệu điều tra và tổng hợp của nhóm tác giả, 2023

Trong 5 mô hình trên có 2 mô hình trồng cây ngắn ngày (dưa hấu, sắn) và 3 mô hình trồng cây dài ngày (tiêu, cao su, keo lai) nên một số chi phí (giống, tư liệu sản xuất (TLSX)) đã được tính khấu trừ cho cả chu kỳ kinh doanh hay cho những năm sản xuất tiếp theo. Mô hình trồng dưa hấu có thời gian canh tác ngắn nhất (3,5 tháng) và có chi phí sản xuất cao nhất. Trong đó, chi phí sản xuất chiếm tỷ trọng rất lớn là 69,3 triệu đồng (chiếm 81,4%). Trong các chi phí sản xuất có 3 loại chi phí chiếm tỷ trọng lớn là phân bón, thuê sử

dụng đất và công lao động. Nếu tính cả công lao động tự có thì chi phí cho công lao động lên tới 25,5 triệu đồng, chiếm tới 30% tổng chi phí. Giá trị tư liệu sản xuất mô hình này không lớn, người dân thường sử dụng hệ thống tưới phun mưa di động, kết nối với đường ống nhựa hoặc bạt nối với máy bơm dầu đến nguồn nước trong phạm vi dưới 500m. Khấu hao giá trị tư liệu sản xuất tính trung bình trong 5 năm, tương ứng 4,05 triệu đồng.

Mô hình trồng sắn thường kéo dài từ 10 đến 12 tháng/vụ, mùa vụ trồng từ tháng

11 năm trước đến tháng 2 năm sau. Mô hình này chi phí sản xuất trực tiếp chiếm phần lớn chi phí sản xuất với 33,69 triệu đồng (chiếm 86,4%). Mô hình này nguồn giống có thể lấy từ vụ trước để lại, hoặc mua mới nhưng nhìn chung chiếm tỷ lệ nhỏ. Các chi phí có tỷ trọng lớn trong sản xuất là chi phí thuê khoán lao động, thuê sử dụng đất, tiếp theo là chi phí khác và phân bón. Mô hình thường sử dụng lao động tập trung trong thời gian ngắn nên huy động lượng lớn lao động làm cùng lúc, do đó lao động tự có chiếm tỷ trọng không cao khi thực hiện mô hình. Chi phí khác chiếm khá cao bao gồm việc thuê máy làm đất trong các giai đoạn sản xuất.

Tiêu là mô hình trồng cây công nghiệp dài ngày. Tiêu trồng tại khu vực này nổi tiếng thơm, cay nồng đặc biệt rất được ưa chuộng và khá phù hợp với khí hậu thổ nhưỡng nơi này. Chi phí ban đầu cho mô hình trồng tiêu khá lớn, nhất là với các hộ sử dụng cọc bê tông làm trụ cho cây tiêu leo. Chi phí sản xuất hằng năm dao động với các mô hình trồng trụ bê tông trên 100 triệu đồng, còn mô hình trồng cây trụ sống (cây lồng mức, cây mít) ở mức trên 50 triệu đồng và trung bình các mô hình được khảo sát là 67,65 triệu đồng, trong đó chi phí sản xuất trực tiếp là 40,2 triệu đồng (chiếm 59,4% tổng chi phí). Theo nghiên cứu của Nguyễn Tăng Tôn (2005) cho thấy sức sống và năng suất cây tiêu có trụ sống tốt hơn trụ tiêu bê tông [3]. Trong nhóm chi phí sản xuất trực tiếp, chi phí cho phân bón, thuê sử dụng đất chiếm khá cao, còn chi phí cây giống do khấu hao trong cả chu kỳ sản xuất (14 năm) nên chỉ còn 1,8 triệu/ năm. Với mô hình

trồng tiêu, người dân sử dụng khá tốt nguồn lao động sẵn có với chi phí được tính là 14,35 triệu đồng (chiếm 21,2% tổng chi phí). Mô hình trồng tiêu có đầu tư hệ thống tưới, trụ nên chi phí tư liệu sản xuất tương đối cao, trung bình đạt 130,28 triệu đồng, sau khi trừ khấu hao trong 10 năm thì chi phí/năm là 13,1 triệu đồng.

Với mô hình trồng cao su thì chi phí trực tiếp là 6,66 triệu đồng, chiếm tỷ trọng không nhiều (18,17% tổng chi phí), trong đó chi phí phân bón hằng năm có tỷ trọng cao, còn giống do khấu hao trong cả chu kỳ sản xuất lâu dài tới 25 năm nên chỉ tính còn 0,32 triệu đồng/năm. Mô hình này có ưu điểm là phát huy được nguồn lao động sẵn có của gia đình với chi phí tự có là 30 triệu đồng (chiếm tới 81,83% tổng chi phí).

So với các mô hình đưa vào đánh giá, mô hình trồng keo lai có chi phí sản xuất thấp nhất và đơn giản nhất. Chu kỳ trồng keo lai trung bình 5 năm, trong đó chi phí sản xuất trực tiếp trung bình hằng năm là 2,69 triệu đồng (chiếm 60,7%), trong đó giống mua 1 lần với trị giá trung bình 2,5 triệu (bình quân cây 1 nghìn đồng, 1 ha trồng 2.500 cây) được khấu hao trong 5 năm nên mỗi năm chi phí giống hết 0,5 triệu đồng. Tổng chi phí cho mô hình là 4,43 triệu đồng/năm.

3.3. Giá trị sản xuất của các mô hình

Doanh thu là một trong những chỉ tiêu kết quả nói lên giá trị được tạo ra của quá trình hoạt động sản xuất trong một khoảng thời gian nhất định. Kết quả sản xuất kinh doanh của các mô hình năm 2023 được thể hiện ở bảng dưới đây.

Bảng 3. Giá trị sản xuất của các mô hình nông lâm nghiệp năm 2023

Mô hình sản xuất	Diện tích (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)	Giá bình quân (triệu đồng/tấn)	Tổng doanh thu (triệu đồng)	Doanh thu bình quân /ha (triệu đồng)
Trồng dưa hấu	24,54	26,35	646,63	4,5	2.909,83	118,58
Trồng sắn	32,21	18	579,78	2,9	1681,36	52,2
Trồng tiêu	9,62	1,80	17,32	65	1.125,54	117
Trồng cao su	17,38	1,7	29,55	28	827,29	47,6
Trồng keo lai	16,84	78,55	1.322,78	0,95	1.256,64	14,92

Trong các nhóm hộ khảo sát, diện tích trồng sắn 10 hộ là 32,21 ha, trung bình 3,2 ha/hộ, tiếp theo là nhóm hộ trồng dưa hấu, cao su, keo lai và thấp nhất là nhóm hộ trồng tiêu. Nhóm hộ trồng dưa hấu và sắn do tính chất vụ mùa, người dân thường thuê đất tập trung với diện tích lớn để trồng, còn với các hộ trồng tiêu thì đây chủ yếu là đất vườn nên diện tích thường không lớn lắm, trung bình chưa đến 1 ha. Năng suất là yếu tố rất quan trọng quyết định hiệu quả kinh tế của mô hình, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của người dân. Nhìn chung, năng suất các mô hình trồng tại thị trấn Nông trường Việt Trung bằng hoặc cao hơn năng suất trung bình tại tỉnh Quảng Bình vì khu vực này có điều kiện thổ nhưỡng tương

đối tốt so với các khu vực khác và người dân có kinh nghiệm sản xuất, chịu khó đầu tư các nguồn lực trong sản xuất [4]. Doanh thu bình quân trên 1 ha dao động khá lớn giữa các mô hình, trong đó cao nhất là mô hình trồng dưa hấu đạt 117,58 triệu đồng, tiêu đạt 117 triệu đồng và thấp nhất là trồng keo lai chỉ 14,92 triệu đồng. Doanh thu khác nhau lớn là do mức đầu tư cho sản xuất các mô hình cũng rất khác nhau. Mô hình dưa hấu và tiêu có chi phí đầu tư lớn hơn nhiều so với keo lai, cụ thể mô hình dưa hấu cao gấp 18 lần và mô hình cao su cao gấp 15 lần.

3.4. Kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất nông nghiệp

Bảng 4. Kết quả và hiệu quả các mô hình sản xuất
(Tính bình quân ha/năm)

Chỉ tiêu		Đơn vị tính	Trồng dưa hấu	Trồng sắn	Trồng tiêu	Trồng cao su	Trồng keo lai
Kết quả	GO (1)	Triệu đồng	118,58	52,2	117	39,2	14,92
	IC (2)	Triệu đồng	73,35	33,69	53,3	6,66	2,69
	TC (3)	Triệu đồng	80,75	38,97	67,65	36,66	4,43
	VA (1)-(2)	Triệu đồng	45,23	18,51	63,7	32,54	12,23
	Lợi nhuận (Pr) (1)-(3)	Triệu đồng	37,83	13,23	49,35	2,54	10,49
Hiệu quả	GO/IC	Lần	1,62	1,55	2,20	5,89	5,55
	GO/TC	Lần	1,47	1,34	1,73	1,07	3,37
	VA/IC	Lần	0,62	0,55	1,20	4,89	4,55
	VA/TC	Lần	0,56	0,47	0,94	0,89	2,76
	Pr/TC	Lần	0,47	0,34	0,73	0,07	2,37

Kết quả điều tra 5 mô hình trên địa bàn năm 2023 cho thấy, có 2 mô hình cho hiệu quả kinh tế tốt nhất là trồng tiêu (49,35 triệu đồng) và trồng dưa hấu (37,83 triệu đồng). So sánh với các năm trước thì mô hình trồng tiêu lợi nhuận tăng cao hơn trên 15 triệu đồng do giá thu mua tiêu trên thị trường năm vừa qua tăng cao hơn các năm trước, mô hình trồng dưa hấu do giá thu mua sản phẩm thấp hơn nên lợi nhuận thu được cũng thấp hơn các năm trước. Với mô hình trồng sắn, mặc dù giá thu mua tăng cao nhiều, nhưng do nguồn giống của các hộ trồng đều bị nhiễm bệnh khảm lá sắn làm năng suất sụt giảm nên lợi nhuận thu được cũng thấp hơn các năm, đạt 13,23 triệu đồng, chỉ có những hộ dân trồng sắn không bị nhiễm bệnh cho năng suất tốt và lợi nhuận cao nhưng số hộ này không nhiều. Lợi nhuận

mô hình trồng cao su và keo lai khá thấp và cơ bản tương đương các năm trước do năng suất và giá bán sản phẩm không có biến động nhiều. Hoạt động trồng cao su lấy mù công việc được rải đều 8 tháng/năm, sử dụng hoàn toàn công lao động nhân rỗi trong gia đình, cho nên khoản chi phí tự có lớn hơn nhiều so với chi phí sản xuất trực tiếp, chính vì vậy có sự chênh lệch lớn giữa chi phí trung gian (IC) và tổng chi phí (TC).

Tuy nhiên, khi xét về hiệu quả kinh tế, qua các chỉ tiêu dưới đây chúng ta nhận thấy hiệu quả các mô hình như sau:

+ GO/IC: cho biết nếu bỏ ra một đồng chi phí trung gian sẽ mang lại bao nhiêu đồng giá trị sản xuất [5]. Như vậy, chỉ tiêu này cho thấy, 2 mô hình trồng có tỷ suất cao là trồng cao su (5,89 lần) và trồng keo lai (5,55 lần), các mô hình còn lại không cao là

trồng tiêu (2,2 lần), trồng dưa hấu (1,62 lần) và cuối cùng là trồng sắn (1,55 lần). Hai mô hình trồng cao su và keo lai có chi phí trung gian rất nhỏ (tương ứng là 6,66 triệu đồng và 2,69 triệu đồng) trong khi các mô hình khác, khoản chi phí này lớn hơn nhiều lần.

+ GO/TC: cho biết nếu bỏ ra một đồng tổng chi phí sẽ mang lại bao nhiêu đồng giá trị sản xuất [5]. Kết quả cho thấy, mô hình trồng keo lai mang lại hiệu quả cao nhất (3,37 lần), các mô hình trồng tiêu, dưa hấu và sắn lần lượt đạt 1,73 và 1,47 và 1,34 lần, còn thấp nhất mô hình trồng cao su đạt 1,07 lần.

+ VA/IC: cho biết nếu bỏ ra một đồng chi phí trung gian sẽ mang lại bao nhiêu đồng giá trị gia tăng [5]. Mặc dù, VA của mô hình trồng cao su và keo lai nhỏ nhất nhưng vì IC nhỏ nên dẫn đến 1 đồng chi phí trung gian bỏ ra đem lại tới 4,89 và 4,55 đồng giá trị gia tăng cho 2 mô hình này. Với chi tiêu VA/TC, mô hình trồng keo lai đạt kết quả tốt nhất là 2,76 lần, các mô hình còn lại đều dưới 1 lần.

+ Pr/TC: cho biết nếu bỏ ra một đồng chi phí sẽ mang lại bao nhiêu đồng lợi nhuận [5]. Mô hình trồng tiêu có kết quả đạt 0,73 lần, còn mô hình trồng sắn đạt 0,34 lần, trong khi đó mô hình trồng keo lai cho thấy bỏ ra 1 đồng thu về tới 2,37 đồng lợi nhuận. Mô hình trồng dưa hấu có chi phí đầu tư cao nhưng doanh thu thấp nên chỉ tiêu này chỉ đạt 0,46 lần. Còn với mô hình trồng cao su, hiện nay giá công lao động tăng lên, trong khi giá mủ vẫn đi ngang như các năm trước nên hiện nay kinh doanh sản xuất cao su hầu như không có lợi nhuận mà người dân chủ yếu lấy công làm lãi.

3.5. Đề xuất định hướng cho các mô hình trong thời gian tới

Năm mô hình canh tác nông lâm

nghiệp chủ lực tại thị trấn Nông trường Việt Trung được người dân lựa chọn sản xuất trên quy mô diện tích lớn cho thấy những ưu điểm nổi bật và tính thích hợp về khí hậu, thổ nhưỡng, kỹ thuật sản xuất tại khu vực này. Tuy nhiên, khi so sánh hiệu quả kinh tế với các mô hình sản xuất nông nghiệp khác trong tỉnh và trên cả nước cho thấy các mô hình này có lợi nhuận chưa cao, thậm chí là thấp. Đồng thời, trước ảnh hưởng của biến đổi khí hậu hiện nay, những thay đổi về nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài nước, yêu cầu ngày càng cao về chất lượng sản phẩm cũng như bảo vệ môi trường bền vững đòi hỏi chính quyền và người dân cũng cần có những điều chỉnh trong quy hoạch và quy trình sản xuất nhằm tăng hiệu quả kinh tế, chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường tốt hơn.

Về quy hoạch, cần xây dựng những vùng chuyên canh tập trung với diện tích lớn, tránh manh mún nhằm tăng cơ giới hóa và đưa các kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao vào sản xuất để giảm chi phí trực tiếp, tăng hiệu quả kinh tế cho các mô hình sản xuất.

Về kỹ thuật, cần giảm thiểu các loại thuốc BVTV độc hại, không rõ nguồn gốc, tăng cường nhiều hơn các loại chế phẩm có nguồn gốc sinh học, phân bón hữu cơ trong sản xuất để đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường tốt hơn.

Với các mô hình sản xuất cụ thể, đề xuất tăng diện tích trồng sắn khi sản phẩm mô hình này có thị trường ổn định và giá trên thị trường ngày càng tăng cao, trong khi kỹ thuật canh tác đơn giản, chi phí đầu vào không quá cao. Tuy nhiên, nguồn giống hiện nay tại địa phương hầu hết đều đã bị nhiễm bệnh khảm lá, do đó cần lựa chọn các loại giống mới có năng suất cao và kháng

bệnh tốt. Mô hình trồng dưa hấu là mô hình có tính thời vụ, phụ thuộc rất lớn vào giá bán sản phẩm nên chỉ duy trì ổn định với các hộ dân có kinh nghiệm sản xuất và cần chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường. Mô hình trồng tiêu duy trì những vườn tiêu hiện có, thay thế các gốc tiêu đã già cỗi, đồng thời có thể mở rộng diện tích trồng với nhiều loại giống mới có năng suất cao và kháng bệnh tốt như giống tiêu Srilanka vì hiện nay giá tiêu trên thị trường đã tăng cao trở lại so với các năm trước đây. Khi mở rộng nên ưu tiên sử dụng các trụ sống sẽ giảm chi phí đầu tư ban đầu, đồng thời cho hiệu quả tốt hơn về lâu dài.

Với mô hình cao su, không nên mở rộng diện tích và có thể phá bỏ những vườn cây đã già cỗi hoặc thưa thớt do những cơn bão trước đây gây ra để chuyển sang các mô hình sản xuất khác, chỉ chăm sóc các mô hình còn mật độ tốt và cây có sức sinh trưởng khỏe mạnh. Với mô hình keo lai, mặc dù các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế khá tốt nhưng lợi nhuận không cao, nếu tính cả tiền thuê đất hằng năm thì hầu như không có lãi, cho nên mô hình này chỉ giữ lại các khu vực có diện tích lớn, đất dốc và khó canh tác các loại cây trồng khác. Đồng thời, xem xét để chuyển sang mô hình trồng rừng keo lai gỗ

lớn có chu kỳ dài hơn sẽ cho năng suất, hiệu quả kinh tế cao hơn và bảo vệ môi trường tốt hơn.

4. KẾT LUẬN

Kết quả đánh giá năm mô hình sản xuất nông lâm nghiệp chủ đạo tại thị trấn Nông trường Việt Trung cho thấy: mô hình trồng tiêu đem lại kết quả tốt nhất, lợi nhuận trung bình đạt 49,35 triệu đồng/ha/vụ, tiếp theo là mô hình trồng dưa hấu đạt 37,83 triệu đồng/ha/vụ nhưng tỷ suất lợi nhuận không cao do các hộ dân đã đầu tư chi phí lớn trong canh tác nên tỷ suất lợi nhuận trên tổng chi phí lần lượt chỉ đạt 0,73 lần (trồng tiêu) và 0,47 lần (trồng dưa hấu). Mô hình trồng sắn có giá bán sản phẩm năm 2023 cao hơn các năm trước nhưng năng suất sụt giảm mạnh nên lợi nhuận đạt không cao, chỉ 13,22 triệu đồng/ha/vụ.

Mô hình trồng cao su mặc dù đem lại lợi nhuận thấp nhất nhưng mô hình này chỉ sử dụng toàn bộ sức lao động gia đình nên đóng góp đáng kể vào nguồn thu cho hộ gia đình. Mô hình trồng keo lai cũng cho lợi nhuận thấp (10,49 triệu đồng/ha/năm) nhưng mô hình này có tỷ suất giá trị gia tăng trên tổng chi phí mô hình này đạt 3,37 lần và tỷ suất lợi nhuận trên tổng chi phí đạt 2,37 lần, lớn nhất trong tất cả các mô hình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] UBND Thị trấn Nông trường Việt Trung, *Báo cáo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024*.
- [2] Nguyễn Đức Lý (2013), *Khí hậu và thủy văn Quảng Bình*, NXB Khoa học kỹ thuật.
- [3] Nguyễn Tăng Tôn và ctv (2005), *Nghiên cứu các giải pháp khoa học công nghệ và thị trường để phát triển vùng hồ tiêu nguyên liệu phục vụ chế biến và xuất khẩu*.
- [4] Cục Thống kê Quảng Bình. *Niên giám thống kê Quảng Bình (2021 - 2022)*.
- [5] Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2017), *Giáo trình Quản trị kinh doanh (Tập I)*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.
- [6] <https://quangbinh.gov.vn/>.

Liên hệ:

TS. Trần Thế Hùng

Viện Nông nghiệp và Môi trường, Trường Đại học Quảng Bình.

Địa chỉ: 18 Nguyễn Văn Linh, Đồng Hới, Quảng Bình

Email: tranhungqbu@gmail.com

Ngày nhận bài: 07/5/2024

Ngày gửi phản biện: 07/5/2024

Ngày duyệt đăng: 20/5/2024